

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 437/2020/DS-ST

Ngày: 14-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1160/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 58/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2020, Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số: 322/2020/TB-TA ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T;

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M – Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 738/2019/UQ-TTT ngày 06/6/2019). (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cát P, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: 290/33/56 Nơ Trang Long, Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 6 năm 2019 và các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có đại diện hợp pháp là ông Lã Ngọc M trình bày:

Vào ngày 13/12/2011 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T và bà Nguyễn Thị Cát P đã giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín); Lãi suất do chậm thanh toán do các bên trong hợp đồng thỏa thuận, căn cứ vào quy định mức lãi của Ngân hàng theo từng thời kỳ được công bố; Căn cứ thu nhập của bà P, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Cát P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 41.109.300 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền là 49.791.000 đồng, và vi phạm nhiều lần trong các hạn thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã phát hành thông báo nhắc nợ đối với bà Phượng nhưng bà vẫn không thanh toán là vi phạm thỏa thuận theo Hợp đồng đã giao kết; Ngày 23/12/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu Tòa án giải quyết : Buộc bà Nguyễn Thị Cát P phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/01/2020 là : 17.176.166 đồng, trong đó nợ gốc : 9.492.554 đồng, lãi quá hạn : 7.683.612 đồng ; Trả ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật ; Bà Nguyễn Thị Cát P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cát P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không nhận được ý kiến và bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào của bà P.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Trong văn bản trình bày ý kiến gửi Hội đồng xét xử, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Cát

P phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 14/5/2020 là : 18.410.850 đồng, trong đó nợ gốc : 9.492.554 đồng, lãi quá hạn : 8.918.296 đồng ; Thanh toán làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật ; Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Bà P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất do hai bên thoả thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cát P thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ việc giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và bà, do đó quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp Hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Cát P có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T và bà Nguyễn Thị Cát P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Cát P đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 23/3/2020, 15/4/2020 và 14/5/2020 nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 9.492.554 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Qua chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn đã có đủ cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị Cát P có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T chấp thuận giao kết hợp đồng với bà P vào ngày 13/12/2011 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng; Theo đó, bà P và Ngân hàng đã thỏa thuận và ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên bởi Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 41.109.300 đồng, tuy nhiên bị đơn đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 23 của hợp đồng tín dụng mặc dù nguyên đơn đã có thông báo nhắc nợ. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “ Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định” và căn cứ vào khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn ...” Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 9.492.554 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/5/2020 là 8.918.296 đồng, tiếp tục chịu tiền lãi tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong hợp đồng tín dụng, tại Điều 22 và Điều 23, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về cách tính lãi theo mức lãi suất nguyên đơn quyết định từng thời kỳ , bị đơn không thanh toán nợ gốc và tiền lãi theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Khi bị đơn vi phạm hợp đồng, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ, áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất như sau: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”;

Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả”; Căn cứ Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định về lãi suất cho vay như sau:

“1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng”.

Đồng thời căn cứ vào Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

“ Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết ...”.

Hội đồng xét xử xét thấy thời gian tính lãi, mức lãi suất nguyên đơn áp dụng đối với bị đơn là đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi: 8.918.296 đồng tính đến ngày 14/5/2020 là có căn cứ để chấp nhận.

Trong khi đó, về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị Cát P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mà không có lý do hay có văn bản trình bày ý kiến đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, bị đơn đã từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/5/2020 là: 18.410.850 đồng, trong đó nợ gốc: 9.492.554 đồng, lãi quá hạn: 8.918.296 đồng, đồng thời bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T.

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Cát P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 13/12/2011 là: 18.410.850 đồng (Mười tám triệu bốn trăm mười ngàn tám trăm năm mươi); Trong đó nợ gốc : 9.492.554 đồng, lãi quá hạn : 8.918.296 đồng . Bà P trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bà Nguyễn Thị Cát P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về Án phí:

Bà Nguyễn Thị Cát P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 920.542 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 369.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0021168 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T, bà Nguyễn Thị Cát P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc An